TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2026/DS-ST
Ngày 26 – 5 - 2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Qúy Nhật Linh
2. Bà Võ Thị Trúc Mai

- ***Thư ký phiên toà:*** bà Đinh Thị Tường Vy – Thẩm tra viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại Hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 5 –Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2026/QĐST – DS ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH H; địa chỉ trụ sở: số B P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Kim L - Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Công ty L1; địa chỉ: Số G L, khu phố B, phường N, tỉnh Quảng Trị; đại diện Công ty L1: ông Tạ Minh K, sinh năm 1971, Luật sư thuộc Công ty, có mặt.

- *Bị đơn:* ông Hoàng Tăng T và bà Trần Thị B; cùng địa chỉ: khu phố E, phường Đ (phường Đ cũ), tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH H (viết tắt là Công ty) và ông Hoàng Tăng T, bà Trần Thị B thỏa thuận bằng lời nói về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản. Sau khi thỏa thuận, Công ty đã giao đủ số lượng hàng hóa, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo yêu cầu của ông T và bà B. Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 20/12/2024, ông T ký nhận còn nợ Công ty số tiền 153.555.000 đồng. Từ đó đến nay, Công ty đã nhiều lần gọi điện, đôn đốc và tạo điều kiện cho ông T, bà B trả nợ nhưng ông bà không thực hiện. Vì vậy, Công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Trị buộc ông Hoàng Tăng T, bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả:

- Tiền gốc: 153.555.000 đồng;

- Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/12/2024 đến ngày 26/05/2026 (522 ngày) với lãi suất 10%/năm là: 21.960.468 đồng.

Tổng cộng số tiền ông T và bà B có nghĩa vụ trả là: 175.515.468 đồng.

Tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Ông Hoàng Tăng T thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản của Công ty và có nợ số tiền 153.555.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Qúa trình nuôi tôm do làm ăn thua lỗ nên ông T không trả được nợ. Ông T đồng ý trả số tiền trên cho Công ty, tuy nhiên do đang khó khăn nên xin trả dần hàng tháng cho đến khi trả hết số tiền trên. Ông Hoàng Tăng T cho rằng khoản nợ này là nợ riêng của ông với Công ty không phải nợ chung của vợ chồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ chỉ một mình ông T ký, chứ không liên quan đến bà Trần Thị B (vợ ông T). Đối với số tiền lãi, ông T đề nghị phía nguyên đơn không tính lãi đối với khoản nợ của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Hoàng Tăng T, bà Trần Thị B trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y thủy sản còn nợ; ông T và bà B không đăng ký kinh doanh nên Hội đồng xét xử xác định là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản". Bị đơn cư trú tại địa bàn phường Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Hoàng Tăng T và bà Trần Thị B đều vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của đương sự: Trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự, giấy xác nhận công nợ, sự thừa nhận của bị đơn trong văn bản trình bày ý kiến, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty TNHH H và bị đơn đã có quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản từ trước năm 2020 cho đến năm 2024. Việc mua bán được thực hiện bằng lời nói, không có hợp đồng nhưng quá trình mua bán có sổ theo dõi công nợ giữa 2 bên. Đến ngày 20/12/2024, nguyên đơn và bị đơn đã lập "Biên bản đối chiếu công nợ năm 2024", trong đó ông Hoàng Tăng T ký nhận nợ Công ty số tiền 153.555.000 đồng. Bị đơn ông Hoàng Tăng T thừa nhận khoản nợ này.

[3] Về ý kiến của bị đơn cho rằng khoản nợ là khoản nợ riêng của ông Hoàng Tăng T, không phải nợ chung của vợ chồng: Trên cơ sở "Sổ theo dõi công nợ" của nguyên đơn xuất trình thì quá trình mua bán, bị đơn ông Hoàng Tăng T và bà Trần Thị B đều ký vào Sổ theo dõi công nợ của nguyên đơn. Như vậy, bà B biết các khoản nợ này, cùng xác nhận, cùng chịu trách nhiệm với các khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình không chấp nhận ý kiến của bị đơn, xác định khoản nợ tiền

mua tài sản và tiền lãi phát sinh là khoản nợ của ông Hoàng Tăng T, bà Trần Thị B, cả hai phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

[4] Về tiền lãi chậm trả: nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/12/2024 đến hết ngày xét xử 26/5/2026 (tổng cộng 522 ngày) với lãi suất 10%/năm là: 21.960.468 đồng. Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự, xét thấy việc yêu cầu này là có căn cứ, buộc bị đơn ông Hoàng Tăng T, bà Trần Thị B trả cho nguyên đơn số tiền lãi: 21.960.468 đồng.

Từ những căn cứ trên, căn cứ quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền mua tài sản còn nợ là: 153.555.000 đồng và tiền lãi chậm trả: 21.960.468 đồng, tổng cộng: 175.515.468 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: (175.515.468 đồng x 5%) = 8.775.773 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H. Buộc bị đơn ông Hoàng Tăng T, bà Trần Thị B phải trả cho Công ty TNHH H số tiền hàng còn nợ theo "Biên bản đối chiếu công nợ năm 2024" lập ngày 20/12/2024 là: 175.515.468 đồng *(Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng),* trong đó tiền hàng: 153.555.000 đồng *(Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* và tiền lãi tính đến ngày 26/05/2026 là: 21.960.468 đồng *(Hai mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Hoàng Tăng T, bà Trần Thị B phải chịu 8.775.773 đồng *(Tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.254.753 đồng *(Bốn triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng)* theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E 0000738 ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý